PHÁT TRIỂN BẢO HIỂM TÍN DỤNG NHẰM NÂNG CAO KHẢ NĂNG TIẾP CẬN VỐN VAY CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TẠI VIỆT NAM

Nguyễn Văn Thọ[1*], Nguyễn Ngọc Linh[1]
Email: thonv@hou.edu.vn. ORCID ID: 0009-0001-6873-0187

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 16/02/2026
Ngày phản biện đánh giá: 17/04/2026
Ngày bài báo được duyệt đăng: 14/05/2026
DOI: 10.59266/houjs.2026.1250

Tóm tắt: *Trong bối cảnh doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME) tại Việt Nam vẫn gặp nhiều khó khăn trong tiếp cận vốn tín dụng do hạn chế về tài sản bảo đảm và mức độ minh bạch tài chính, bảo hiểm tín dụng được xem là công cụ hỗ trợ chia sẻ và chuyển giao rủi ro hiệu quả giữa ngân hàng, doanh nghiệp và tổ chức bảo hiểm. Nghiên cứu này nhằm phân tích vai trò của bảo hiểm tín dụng đối với khả năng tiếp cận vốn vay của SME tại Việt Nam, đồng thời đánh giá thực trạng phát triển thị trường bảo hiểm tín dụng và rút ra bài học kinh nghiệm từ một số quốc gia phát triển. Nghiên cứu sử dụng phương pháp định tính thông qua tổng hợp, phân tích tài liệu thứ cấp từ các báo cáo của các tổ chức uy tín, các nghiên cứu trong và ngoài nước cùng các văn bản pháp lý liên quan đến hoạt động tín dụng và bảo hiểm. Kết quả nghiên cứu cho thấy thị trường bảo hiểm tín dụng tại Việt Nam vẫn còn hạn chế về quy mô, khung pháp lý, hệ thống dữ liệu tín dụng và mức độ phối hợp giữa ngân hàng với doanh nghiệp bảo hiểm. Trên cơ sở kinh nghiệm quốc tế, nghiên cứu đề xuất một số hàm ý chính sách nhằm hoàn thiện và phát triển thị trường bảo hiểm tín dụng tại Việt Nam.*

Từ khóa: *bảo hiểm rủi ro tín dụng, doanh nghiệp vừa và nhỏ, tiếp cận vốn, ngân hàng, chia sẻ rủi ro*

I. Đặt vấn đề

Doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế Việt Nam, chiếm tỷ trọng lớn về số lượng doanh nghiệp và đóng góp đáng kể vào tăng trưởng kinh tế cũng như tạo việc làm. Tuy nhiên, khả năng tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng của khu vực này vẫn còn hạn chế. Một trong những nguyên nhân chính là do SME thiếu tài sản đảm bảo, đặc biệt là bất động sản, trong khi các ngân hàng Việt Nam vẫn chủ yếu dựa vào tài sản thế chấp trong hoạt động cấp tín dụng. Thực tiễn cho thấy, khi thị trường bất động sản biến động hoặc chính sách tín dụng bị thắt chặt, dòng vốn dành cho SME bị ảnh hưởng. Điều này đặt ra yêu cầu cần có các công cụ tài chính nhằm giảm sự phụ thuộc

[1] Trường Đại học Mở Hà Nội, Hà Nội, Việt Nam

vào tài sản bảo đảm. Bài báo nhằm phân tích cơ sở lý thuyết, kinh nghiệm quốc tế và thực trạng tại Việt Nam, từ đó đề xuất các giải pháp phát triển bảo hiểm tín dụng nhằm nâng cao khả năng tiếp cận vốn của doanh nghiệp SME.

II. Cơ sở lý luận và tổng quan nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận về bảo hiểm tín dụng

2.1.1. Khái niệm

Bảo hiểm tín dụng là hình thức bảo hiểm giúp bảo vệ người vay và ngân hàng trước những rủi ro phát sinh trong quá trình vay vốn. Nếu người vay không may gặp biến cố như mất khả năng lao động, mắc bệnh hiểm nghèo hoặc tử vong (đối với khách hàng cá nhân) hay hoạt động kinh doanh suy giảm, công ty bị phá sản (đối với khách hàng doanh nghiệp) khiến việc trả nợ bị gián đoạn, công ty bảo hiểm sẽ thay họ thanh toán một phần hoặc toàn bộ dư nợ còn lại. Đây được xem là một công cụ quản lý rủi ro hiệu quả, tạo ra sự an tâm cho người vay và sự bảo đảm cho các ngân hàng khi xem xét cấp tín dụng cho doanh nghiệp.

2.1.2 Phân loại

Bảo hiểm tín dụng có thể được chia thành các nhóm chính phụ thuộc vào mục đích hay đối tượng vay vốn như sau:

Bảo hiểm khoản vay tiêu dùng tín chấp: Áp dụng đối với các khoản vay có giá trị nhỏ, không có tài sản đảm bảo, phục vụ nhu cầu chi tiêu cá nhân như mua sắm, du lịch hoặc tiêu dùng ngắn hạn.

Bảo hiểm khoản vay thế chấp: Loại hình này gắn với các khoản vay có tài sản đảm bảo, thường là các khoản vay trung và dài hạn như vay mua nhà, mua xe hoặc đầu tư kinh doanh.

Bảo hiểm khoản vay theo mục đích sử dụng vốn: Một số sản phẩm bảo hiểm được thiết kế chuyên biệt theo từng mục đích vay như vay sản xuất kinh doanh, vay mua bất động sản hoặc vay phục vụ tiêu dùng dài hạn.

Bảo hiểm tín dụng theo đối tượng vay. Theo cách tiếp cận này, bảo hiểm tín dụng được chia thành bảo hiểm dành cho khách hàng cá nhân và bảo hiểm dành cho doanh nghiệp. Trong đó, bảo hiểm tín dụng doanh nghiệp (đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa) có vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh và mở rộng tiếp cận vốn.

2.1.3. Lợi ích của bảo hiểm tín dụng

Đối với ngân hàng: Bảo hiểm tín dụng đóng vai trò là một "lá chắn" quản trị rủi ro hiệu quả, giúp đảm bảo khả năng thu hồi vốn và duy trì chất lượng tín dụng bền vững. Việc tích hợp bảo hiểm vào các hợp đồng vay vốn cho phép ngân hàng chủ động chuyển giao rủi ro thanh toán sang các tổ chức bảo hiểm khi khách hàng gặp biến cố bất khả kháng như tử vong hoặc thương tật toàn bộ vĩnh viễn.

Đối với doanh nghiệp vay vốn: Bảo hiểm tín dụng mang lại giá trị bảo vệ tài chính và an tâm tâm lý trước các kịch bản rủi ro ngoài dự kiến. Thay vì đối mặt với nguy cơ bị thu hồi tài sản thế chấp hoặc để lại gánh nặng nợ nần cho gia đình và cộng sự, người vay được công ty bảo hiểm thay mặt tất toán dư nợ tại ngân hàng trong trường hợp mất khả năng lao động hoặc mất thu nhập.

Đối với doanh nghiệp bảo hiểm: Việc triển khai các sản phẩm bảo hiểm liên kết khoản vay là động lực quan trọng để mở rộng thị phần và đa dạng hóa doanh thu thông qua kênh phân phối Bancassurance. Sự kết hợp chặt chẽ giữa ngân hàng và bảo

hiểm tạo ra một hệ sinh thái tài chính, nơi các công ty bảo hiểm có thể tiếp cận tệp khách hàng tiềm năng lớn với chi phí vận hành tối ưu.

2.1.4. Cơ chế tác động của bảo hiểm tín dụng đến khả năng tiếp cận vốn vay của doanh nghiệp

Bảo hiểm tín dụng tác động đến khả năng tiếp cận vốn vay của SME thông qua ba cơ chế chính. *Thứ nhất*, nó góp phần giảm bất cân xứng thông tin giữa ngân hàng và doanh nghiệp bằng cách cho phép công ty bảo hiểm thực hiện thẩm định rủi ro độc lập, chuyên sâu và chia sẻ kết quả đánh giá với tổ chức tín dụng.

Thứ hai, bảo hiểm tín dụng đóng vai trò thay thế một phần hoặc hỗ trợ tài sản đảm bảo truyền thống, giúp giảm yêu cầu thế chấp bằng bất động sản đối với các khoản vay của SME. Ngân hàng có thể chấp nhận mức tài sản đảm bảo thấp hơn khi một phần rủi ro tín dụng đã được chuyển giao sang công ty bảo hiểm.

Thứ ba, cơ chế này cải thiện đánh giá rủi ro tổng thể của ngân hàng thông qua việc chuyển giao một phần rủi ro sang bên thứ ba, từ đó cho phép ngân hàng nới lỏng điều kiện cho vay, giảm mức trích lập dự phòng rủi ro và mở rộng danh mục tín dụng cho phân khúc SME một cách an toàn hơn.

Các cơ chế nêu trên không chỉ giảm chi phí giao dịch và rào cản tiếp cận vốn mà còn tạo sự tin tưởng cho ngân hàng trong việc mở rộng tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2.2. Các lý thuyết liên quan

2.2.1. Lý thuyết bất cân xứng thông tin

Theo Akerlof (1970), bất cân xứng thông tin xảy ra khi người vay có nhiều thông tin hơn người cho vay. Trong trường hợp các doanh nghiệp SME, tình trạng thiếu minh bạch tài chính và lịch sử tín dụng hạn chế khiến ngân hàng khó đánh giá rủi ro, dẫn đến việc hạn chế cấp tín dụng. Bảo hiểm tín dụng giúp giảm bất cân xứng thông tin thông qua việc doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện thẩm định độc lập và chia sẻ thông tin rủi ro với ngân hàng.

2.2.2. Lý thuyết trung gian tài chính

Theo Diamond (1984), ngân hàng đóng vai trò trung gian tài chính, thực hiện chức năng thu thập thông tin và giám sát người vay. Tuy nhiên, chi phí giám sát đối với SME thường cao, khiến ngân hàng hạn chế cấp tín dụng. Bảo hiểm tín dụng giúp chia sẻ chức năng giám sát giữa ngân hàng và doanh nghiệp bảo hiểm, từ đó giảm chi phí thông tin và nâng cao hiệu quả phân bổ vốn.

2.2.3. Lý thuyết quản trị rủi ro

Theo Merton (1995), các tổ chức tài chính có thể tối ưu hóa danh mục bằng cách chuyển giao rủi ro. Trong hoạt động tín dụng, bảo hiểm rủi ro tín dụng là công cụ giúp ngân hàng chuyển giao một phần rủi ro sang doanh nghiệp bảo hiểm, từ đó giảm chi phí trích lập dự phòng và tăng khả năng cấp tín dụng.

2.3. Tổng quan nghiên cứu

Tại Việt Nam, các nghiên cứu về khả năng tiếp cận vốn của doanh nghiệp SME chủ yếu tập trung vào các rào cản tín dụng như tài sản bảo đảm, quy mô doanh nghiệp và tính minh bạch thông tin. Trần Thị Thanh Tú (2015) cho rằng khó khăn trong phát triển nguồn tài chính cho SME xuất phát từ hạn chế về năng lực tài chính và khả năng tiếp cận tín dụng ngân hàng. Nguyễn Hồ Phương Thảo và cộng

sự (2021) cũng cho thấy quy mô doanh nghiệp, trình độ quản lý và kế hoạch kinh doanh có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng tiếp cận vốn ngân hàng của SME. Bên cạnh đó, Nguyễn Thu Thủy và Nguyễn Thị Hiếu (2018) tổng hợp các nghiên cứu trong nước và quốc tế, cho rằng bất cân xứng thông tin và thiếu tài sản bảo đảm là các nguyên nhân chủ yếu hạn chế khả năng vay vốn của SME tại Việt Nam.

Theo tìm hiểu của nhóm tác giả, các nghiên cứu về bảo hiểm tín dụng tại Việt Nam hiện vẫn còn khá hạn chế, chủ yếu tập trung vào bảo hiểm tín dụng xuất khẩu hoặc bảo hiểm khoản vay cá nhân, trong khi chưa có nhiều nghiên cứu phân tích cơ chế vận hành, khung pháp lý và vai trò của bảo hiểm tín dụng trong hỗ trợ SME tiếp cận vốn vay ngân hàng.

III. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Phương pháp tiếp cận

Nghiên cứu này áp dụng phương pháp nghiên cứu định tính, sử dụng dữ liệu thứ cấp để phân tích vai trò của bảo hiểm tín dụng trong việc nâng cao khả năng tiếp cận vốn vay của các doanh nghiệp SME. Việc lựa chọn phương pháp định tính nhằm mục đích khai thác sâu về cơ sở lý luận và thực tiễn triển khai chính sách. Cách tiếp cận được định hướng bởi các khung lý thuyết đã trình bày ở phần trước, bao gồm: lý thuyết thông tin bất đối xứng, lý thuyết trung gian tài chính hay lý thuyết quản trị rủi ro.

3.2. Nguồn dữ liệu

Dữ liệu thứ cấp được thu thập từ các nguồn uy tín từ các văn bản pháp lý và chính sách của Việt Nam đến các báo cáo chính thức về tình hình kinh doanh hoạt động bảo hiểm của Hiệp hội bảo hiểm Việt Nam (IAV) cũng như các báo cáo và nghiên cứu của các tổ chức quốc tế (IMF, ADB).

3.3. Phương pháp phân tích

Nội dung các tài liệu thu thập được xử lý và phân tích theo hướng phân tích nội dung kết hợp với phân tích chính sách. Bên cạnh nội dung phân tích vai trò và cơ chế tác động của bảo hiểm tín dụng đến khả năng tiếp cận vốn vay của các doanh nghiệp SME, nghiên cứu còn thực hiện phân tích kinh nghiệm triển khai và phát triển bảo hiểm tín dụng tại các quốc gia khác nhau để rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam. Việc lựa chọn các quốc gia như Mỹ, Đức, Pháp, Nhật Bản dựa trên tiêu chí về mức độ phát triển của thị trường bảo hiểm tín dụng, tính đại diện cho các mô hình triển khai khác nhau và khả năng cung cấp bài học phù hợp đối với Việt Nam.

IV. Kết quả và thảo luận

4.1. Thực trạng phát triển bảo hiểm tín dụng tại Việt Nam

Hiện nay Việt Nam đã triển khai một số hình thức bảo hiểm tín dụng, trong đó nổi bật nhất là bảo hiểm tín dụng xuất khẩu. Đây là loại hình tương đối phát triển, nhằm bảo vệ doanh nghiệp xuất khẩu trước rủi ro không thanh toán từ đối tác nước ngoài và thường có sự hỗ trợ nhất định từ chính sách nhà nước. Tuy nhiên, phạm vi của loại hình này chủ yếu giới hạn trong hoạt động thương mại quốc tế, chưa tác động trực tiếp đến khả năng tiếp cận vốn tín dụng nội địa của SME.

Đối với thị trường trong nước, bảo hiểm tín dụng thương mại đã được triển khai nhưng quy mô còn nhỏ và mức độ phổ biến còn hạn chế. Bảo hiểm tín dụng (bao gồm bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính) tại Việt Nam vẫn đang ở giai đoạn

phát triển ban đầu, dù đã có những bước tiến nhất định trong những năm gần đây. Theo báo cáo của Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam (IAV), chín tháng đầu năm 2025, doanh thu phí từ nghiệp vụ bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính đạt khoảng 684 tỷ đồng, tăng 2,4% so với cùng kỳ năm 2024. Mức phí này chỉ chiếm 1,05% doanh thu phí bảo hiểm phi nhân thọ và chỉ chiếm chưa đến 0,5% tổng doanh thu phí bảo hiểm toàn thị trường.

Các doanh nghiệp, đặc biệt là SME, vẫn chưa coi đây là công cụ quản trị rủi ro phổ biến trong hoạt động kinh doanh. Bên cạnh đó, các sản phẩm bảo hiểm khoản vay cá nhân cũng đã được phát triển khá rộng rãi thông qua kênh ngân hàng, tuy nhiên các sản phẩm này chủ yếu hướng tới bảo vệ người vay cá nhân trước các rủi ro về sức khỏe và thu nhập, hơn là công cụ bảo hiểm rủi ro tín dụng thuần túy cho tổ chức tín dụng.

Tại Việt Nam, nhiều ngân hàng (MB, VPBank, Techcombank, BIDV, Vietcombank...) đã triển khai mạnh bancassurance, trong đó có sản phẩm bảo hiểm khoản vay cá nhân, tuy nhiên, các sản phẩm này phần lớn vẫn mang tính chất bổ trợ, chưa thực sự đóng vai trò là cơ chế chuyển giao rủi ro tín dụng cho ngân hàng. Ngoài ra, các quỹ bảo lãnh tín dụng cho SME tại địa phương cũng đang hoạt động với chức năng hỗ trợ bảo lãnh vay vốn, tuy nhiên đây là công cụ mang tính chính sách, không phải là sản phẩm bảo hiểm thương mại và quy mô hoạt động còn hạn chế.

4.2. Kinh nghiệm quốc tế về bảo hiểm tín dụng và bài học cho Việt Nam

4.2.1. Kinh nghiệm quốc tế

Tại các quốc gia phát triển, bảo hiểm tín dụng được xem là công cụ quan trọng nhằm giảm thiểu rủi ro thanh toán, hỗ trợ doanh nghiệp duy trì khả năng tiếp cận vốn và tăng cường ổn định tài chính.

Tại Đức và nhiều quốc gia châu Âu, bảo hiểm tín dụng thương mại phát triển mạnh với vai trò dẫn dắt của các tập đoàn bảo hiểm tín dụng toàn cầu như Allianz Trade, Coface hay Atradius. Các doanh nghiệp bảo hiểm không chỉ thực hiện chức năng bồi thường tổn thất khi phát sinh nợ xấu mà còn cung cấp dịch vụ đánh giá tín nhiệm, giám sát khả năng thanh toán và cảnh báo sớm rủi ro cho doanh nghiệp và ngân hàng. OECD (2023) cho rằng bảo hiểm tín dụng thương mại góp phần hỗ trợ thanh khoản doanh nghiệp, duy trì dòng tín dụng thương mại và giảm tác động của rủi ro thanh toán trong bối cảnh kinh tế biến động.

Tại Hoa Kỳ, bảo hiểm tín dụng được sử dụng như một công cụ quản trị rủi ro tín dụng và tối ưu hóa vốn của các tổ chức tài chính. Việc chuyển giao và phân tán rủi ro tín dụng thông qua các công cụ quản trị rủi ro tài chính giúp các tổ chức tín dụng cải thiện phân bổ vốn và nâng cao hiệu quả quản trị danh mục tín dụng (Carey, 2001). Sự phát triển của thị trường bảo hiểm tín dụng tại Hoa Kỳ cũng gắn liền với hệ thống dữ liệu tín dụng minh bạch và cơ chế quản trị rủi ro hiện đại, tạo điều kiện cho việc định giá rủi ro và mở rộng cấp tín dụng cho doanh nghiệp.

4.2.2. Bài học cho Việt Nam

Thứ nhất, cần hoàn thiện khung pháp lý đối với hoạt động bảo hiểm tín dụng theo hướng xác định rõ vai trò của bảo hiểm tín dụng trong hoạt động cấp tín dụng ngân hàng. Kinh nghiệm từ châu Âu cho thấy một khung pháp lý minh bạch sẽ tạo điều kiện để ngân hàng chấp nhận

bảo hiểm tín dụng như một công cụ hỗ trợ quản trị rủi ro và giảm phụ thuộc vào tài sản bảo đảm truyền thống.

Thứ hai, cần phát triển hệ thống dữ liệu tín dụng và nâng cao tính minh bạch tài chính của doanh nghiệp SME. Các quốc gia phát triển đều xây dựng cơ sở dữ liệu tín dụng đồng bộ, cho phép doanh nghiệp bảo hiểm và ngân hàng đánh giá chính xác mức độ rủi ro của khách hàng, từ đó hỗ trợ việc định phí bảo hiểm và mở rộng tiếp cận vốn vay.

Thứ ba, cần thúc đẩy sự phối hợp giữa ngân hàng thương mại và doanh nghiệp bảo hiểm trong thiết kế sản phẩm và chia sẻ dữ liệu rủi ro. Thực tiễn quốc tế cho thấy, bảo hiểm tín dụng phát huy hiệu quả cao nhất khi được tích hợp trực tiếp vào hệ thống quản trị rủi ro tín dụng của ngân hàng thay vì chỉ là sản phẩm bổ trợ riêng lẻ.

Thứ tư, Nhà nước cần đóng vai trò hỗ trợ thị trường trong giai đoạn đầu phát triển thông qua cơ chế tái bảo hiểm, hỗ trợ phí bảo hiểm hoặc xây dựng nền tảng dữ liệu tín dụng quốc gia. Kinh nghiệm từ Pháp cho thấy sự hỗ trợ của Nhà nước có ý nghĩa quan trọng trong việc duy trì ổn định thị trường bảo hiểm tín dụng trong giai đoạn khủng hoảng kinh tế.

4.3. Thảo luận về thực trạng phát triển bảo hiểm tín dụng tại Việt Nam

Số liệu phân tích cho thấy thị trường bảo hiểm tín dụng tại Việt Nam vẫn đang trong giai đoạn phát triển ban đầu và chưa thực sự trở thành công cụ hỗ trợ hiệu quả cho doanh nghiệp SME tiếp cận vốn vay ngân hàng. Các sản phẩm hiện nay chủ yếu tập trung vào bảo hiểm khoản vay cá nhân hoặc bảo hiểm tín dụng xuất khẩu, trong khi các sản phẩm bảo hiểm tín dụng thương mại và bảo hiểm tín dụng dành cho SME trong nước còn khá hạn chế.

Một trong những nguyên nhân quan trọng xuất phát từ tình trạng bất cân xứng thông tin giữa doanh nghiệp SME, ngân hàng và doanh nghiệp bảo hiểm. Theo lý thuyết bất cân xứng thông tin của Akerlof (1970), khi ngân hàng và doanh nghiệp bảo hiểm không có đầy đủ thông tin đáng tin cậy về tình hình tài chính và khả năng trả nợ của doanh nghiệp, các tổ chức này có xu hướng gia tăng yêu cầu về tài sản bảo đảm hoặc hạn chế cấp tín dụng.

Bên cạnh đó, theo lý thuyết trung gian tài chính của Diamond (1984), việc thiếu cơ chế chia sẻ thông tin và phối hợp giữa ngân hàng thương mại với doanh nghiệp bảo hiểm làm gia tăng chi phí giám sát và quản trị rủi ro. Hoạt động cấp tín dụng của các ngân hàng tại Việt Nam vẫn chủ yếu dựa trên tài sản thế chấp, đặc biệt là bất động sản, trong khi bảo hiểm tín dụng chưa được tích hợp đầy đủ vào quy trình thẩm định và quản trị danh mục tín dụng. Điều này khiến các ngân hàng chưa có động lực mạnh để sử dụng bảo hiểm tín dụng như một công cụ thay thế hoặc hỗ trợ cho tài sản bảo đảm truyền thống.

Ngoài ra, từ góc độ lý thuyết quản trị rủi ro của Merton (1995), bảo hiểm tín dụng chỉ có thể phát huy hiệu quả khi tồn tại cơ chế chuyển giao và phân tán rủi ro rõ ràng giữa các chủ thể trong hệ thống tài chính. Tuy nhiên, tại Việt Nam, khung pháp lý liên quan đến bảo hiểm tín dụng vẫn chưa hoàn thiện, đặc biệt chưa có quy định cụ thể về việc công nhận bảo hiểm tín dụng như một công cụ hỗ trợ giảm thiểu rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng. Đồng thời, thị trường tái bảo hiểm cho

các sản phẩm bảo hiểm tín dụng còn hạn chế khiến doanh nghiệp bảo hiểm gặp khó khăn trong việc mở rộng quy mô và kiểm soát rủi ro danh mục.

4.4. Một số đề xuất

Trên cơ sở thực trạng và kinh nghiệm quốc tế, việc phát triển bảo hiểm rủi ro tín dụng tại Việt Nam cần được triển khai đồng bộ thông qua các nhóm giải pháp chính sách sau:

Thứ nhất, hoàn thiện khung pháp lý về bảo hiểm rủi ro tín dụng. Bộ Tài chính cần ban hành hướng dẫn cụ thể đối với các sản phẩm bảo hiểm tín dụng, cơ chế tái bảo hiểm và phương pháp hạch toán đối với nghiệp vụ bảo hiểm rủi ro tín dụng. Đồng thời, cần nghiên cứu xây dựng hành lang pháp lý cho phép bảo hiểm tín dụng được xem như một công cụ hỗ trợ giảm thiểu rủi ro trong hoạt động cấp tín dụng ngân hàng.

Về phía Ngân hàng Nhà nước, cần có hướng dẫn cụ thể về cơ chế phân loại nợ, trích lập dự phòng và xử lý rủi ro đối với các khoản vay có tham gia bảo hiểm tín dụng. Điều này sẽ tạo cơ sở pháp lý giúp các ngân hàng thương mại có động lực sử dụng bảo hiểm tín dụng trong quản trị danh mục cho vay SME.

Thứ hai, phát triển hệ thống dữ liệu tín dụng và nâng cao minh bạch thông tin SME. NHNN cần tiếp tục mở rộng và hoàn thiện hệ thống thông tin tín dụng quốc gia, đặc biệt đối với các khách hàng SME, điều này giúp giảm tình trạng thông tin bất đối xứng, giúp ngân hàng và công ty bảo hiểm tiếp cận, khai thác và dễ dàng chia sẻ nguồn thông tin minh bạch, từ đó mở rộng khả năng tiếp cận của SME.

Thứ ba, các doanh nghiệp bảo hiểm và ngân hàng thương mại cần chủ động phối hợp và hợp tác với nhau trong việc xây dựng các sản phẩm bảo hiểm tín dụng phù hợp với đặc thù của các doanh nghiệp nhỏ và vừa theo từng ngành nghề và mức độ rủi ro tín dụng của các doanh nghiệp. Các ngân hàng thương mại cần chủ động tích hợp bảo hiểm tín dụng vào quy trình thẩm định và quản trị rủi ro đối với khách hàng SME theo hướng xem xét bảo hiểm tín dụng như công cụ chia sẻ rủi ro, thay vì như sản phẩm bổ sung phí dịch vụ.

Thứ tư, phát triển thị trường bảo hiểm tín dụng theo hướng chuyên biệt hóa. Các doanh nghiệp bảo hiểm cần phát triển các sản phẩm bảo hiểm tín dụng chuyên biệt dành cho từng nhóm SME theo ngành nghề, quy mô doanh nghiệp và mức độ rủi ro. Điều này giúp xây dựng mô hình đánh giá rủi ro theo ngành và thông tin dòng tiền doanh nghiệp thay vì phụ thuộc chủ yếu vào tài sản bảo đảm.

V. Kết luận

Bảo hiểm rủi ro tín dụng đang đóng vai trò quan trọng và có tác động không nhỏ đến hoạt động cấp tín dụng của ngân hàng thương mại cũng như khả năng tiếp cận vốn của doanh nghiệp SME. Việc phát triển bảo hiểm tín dụng nhằm giảm sự phụ thuộc vào tài sản đảm bảo không chỉ giúp các doanh nghiệp SME gia tăng cơ hội vay vốn mà còn giúp ngân hàng chia sẻ rủi ro, từ đó tăng trưởng tín dụng an toàn và hiệu quả hơn. Bên cạnh sự chủ động phối hợp thiết kế sản phẩm từ phía các ngân hàng thương mại và doanh nghiệp bảo hiểm, các cơ quan quản lý nhà nước cũng cần tham gia trong việc nghiên cứu xây dựng, hoàn thiện khung pháp lý và chính sách hỗ trợ phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho các bên trong quá trình phát triển thị trường bảo hiểm rủi ro tín dụng tại Việt Nam

Tài liệu tham khảo

Akerlof, G. A. (1970). The market for "lemons": Quality uncertainty and the market mechanism. *The Quarterly Journal of Economics, 84*(3), 488-500. https://doi.org/10.2307/1879431

Carey, M. (2001). Dimensions of credit risk and their relationship to economic capital requirements. In F. S. Mishkin (Ed.), *Prudential supervision: What works and what doesn't* (pp. 167-208). University of Chicago Press.

Diamond, D. W. (1984). Financial intermediation and delegated monitoring. *The Review of Economic Studies, 51*(3), 393-414. https://doi.org/10.2307/2297430

Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam. (2025). *Tổng quan thị trường bảo hiểm Việt Nam 09 tháng đầu năm 2025*. Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam

Merton, R. C. (1995). A functional perspective of financial intermediation. *Financial Management, 24*(2), 23-41. https://doi.org/10.2307/3665532

Nguyễn, H. P. T., Phạm, T. H. Q., Lê, H. A., & Phạm, T. T. X. (2021). Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận vốn trung, dài hạn ngân hàng của doanh nghiệp nhỏ và vừa ở tỉnh Thừa Thiên Huế. *Hue University Journal of Science: Economics and Development, 129*(5C), 149-163. https://doi.org/10.26459/hueunijed.v129i5C.6290

Nguyễn, T. T., & Nguyễn, T. H. (2018). *Yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận vốn ngân hàng của doanh nghiệp nhỏ và vừa*. *Tạp chí Kinh tế - Tài chính*.

Organisation for Economic Co-operation and Development. (2023). *Trade credit insurance and supply chain finance*. OECD Publishing.

Quốc hội. (2022). Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật.

Trần, T. T. T. (2015). Phát triển nguồn tài chính cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Hà Nội. *VNU Journal of Economics and Business, 31*(3), 49-56.

CREDIT INSURANCE DEVELOPMENT AND ACCESS TO BANK LOANS FOR SMALL AND MEDIUM-SIZED ENTERPRISES IN VIETNAM

Nguyen Van Tho[1], Nguyen Ngoc Linh[1]

Abstract: *In the context of small and medium-sized enterprises (SMEs) in Vietnam still facing many difficulties in accessing credit due to limitations in collateral and financial transparency, credit insurance is considered an effective tool to support risk sharing and transfer between banks, businesses, and insurance companies. This study aims to analyze the role of credit insurance in enabling SMEs to access loans in Vietnam, assess the current state of credit insurance market development, and draw lessons from several developed countries. The study uses a qualitative method by synthesizing and analyzing secondary documents from reports of reputable organizations, domestic and international studies, and legal documents related to credit and insurance activities. The research results show that the credit insurance market in Vietnam remains limited in terms of scale, legal framework, credit data system, and coordination between banks and insurance companies. Based on international experience, this study proposes several policy implications for improving and developing the credit insurance market in Vietnam.*

Keywords: *Credit risk insurance, SME, access to capital, banking, risk sharing*

[1] Hanoi Open University, Hanoi, Vietnam